DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 3265 ***/QĐ-VPCNCL ngày*** 12 ***tháng 12 năm 2024***
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Công ty TNHH NS Millennium Việt Nam**

Laboratory: ***NS Millennium Vietnam Co., Ltd.***

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH NS Millennium Việt Nam**

Organization: ***NS Millennium Vietnam Co., Ltd.***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa, cơ**

Field of testing: ***Chemical, mechanical***

Người quản lý: **Bheem Sen Sharma**

Laboratory manager:

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1552**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **Kể từ ngày** 12 **/12/2024 đến ngày 14/11/2029**

Địa chỉ/ *Address*: **Lô A-4-1-CN, Khu Công Nghiệp Bàu Bàng, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Địa điểm/*Location:* **Lô A-4-1-CN, Khu Công Nghiệp Bàu Bàng, Thị Trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Điện thoại/ *Tel*: **0274 380 3007** Fax:

E-mail: **bheem.i@fefv.com; tam@fefv.com.vn** Website: **http://www.fefv.com.vn/.**

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ
Field of testing: Physical Testing

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Li mit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Bọt Polyurethane** ***Polyurathane foam***	Xác định Trọng lượng riêng (test A) *Determination of Density (test A)*		ASTM D3574-17
2.		Thử nén (test D) *Compression Set Test (test D)*		ASTM D3574-17
3.		Thử độ đàn hồi (test H) Resilience Foam test *(test H)*		ASTM D3574-17
4.		Thử độ cứng (test B) *Indentation Force Deflection test (test B)*		ASTM D3574-17
5.		Thử độ cứng Phương pháp B *Indentation Force Deflection test B method*		ISO 2439:2008
6.		Thử độ phục hồi (test I3) *Fatigue Foam test (test I3)*		ASTM D3574-17

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1552

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Polypropylene glycol/ polymer polyol (PPG/ POP)**	Xác định độ ẩm Phương pháp Karl Fischer *Determination of moisture content* *Karl Fischer method*	0.001%	ASTM D4672-24
2.		Xác định độ nhớt *Determination of Viscosity*	(10 ~ 5000) mPa.s	ASTM D4878-23
3.		Xác định chỉ số acid *Determination of Acid number*		ASTM D4662-20
4.		Xác định giá trị OH *Determination of OH value*		ASTM D4274-24
5.	**Toluene di-isocyanate/ Methylene diphenyl diisocyanate (TDI/ MDI)**	Xác định hàm lượng NCO Phương pháp A *Determination of NCO content* *A method*		ASTM D5155-19

Ghi chú/*Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Standard*
- ISO: The International Organization for Standadization
- ASTM/ ASTM International: American Society for Testing and Materials

Trường hợp Công ty TNHH NS Millennium Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty TNHH NS Millennium Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the NS Millennium Vietnam Co., Ltd.that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*.